

# **BỘ KẾ HOẠCH – ĐẦU TƯ**

---

## **Tài liệu bồi dưỡng** **NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC THỐNG KÊ VIÊN**

*(Trình độ Đại học và Cao đẳng)*

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1642/QĐ-BKHĐT ngày 04 tháng 12 năm 2012  
của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

**Hà Nội – 2012**

***Chủ biên:***  
**TỔNG CỤC THỐNG KÊ**

***Biên soạn:***

- |                                                                                 |                    |
|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| • Vụ Tổ chức cán bộ                                                             | <i>Chuyên đề 1</i> |
| • Vụ Phương pháp chế độ Thống kê và Công nghệ thông tin và Vụ Thống kê Tổng hợp | <i>Chuyên đề 2</i> |
| • Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản                                      | <i>Chuyên đề 3</i> |
| • Vụ Thống kê Công nghiệp và Vụ Thống Xây dựng và Vốn đầu tư                    | <i>Chuyên đề 4</i> |
| • Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ và Vụ Thống Giá                             | <i>Chuyên đề 5</i> |
| • Vụ Thống kê Dân số và Lao động                                                | <i>Chuyên đề 6</i> |
| • Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường                                              | <i>Chuyên đề 7</i> |
| • Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia                                                | <i>Chuyên đề 8</i> |

## MỤC LỤC

trang

### **LỜI NÓI ĐẦU**

5

### **CHUYÊN ĐỀ 1. TỔ CHỨC THỐNG KÊ VIỆT NAM**

- I. Một số khái niệm về Tổ chức Thống kê
- II. Quá trình hình thành và phát triển của tổ chức Thống kê Việt Nam
- III. Tổ chức Thống kê Việt Nam hiện nay

### **CHUYÊN ĐỀ 2. CÔNG TÁC PHƯƠNG PHÁP CHẾ ĐỘ THỐNG KÊ VÀ THỐNG KÊ TỔNG HỢP**

#### **PHẦN I. CÔNG TÁC PHƯƠNG PHÁP CHẾ ĐỘ THỐNG KÊ**

- I. Giới thiệu chung về nghiệp vụ công tác phương pháp chế độ thống kê
- II. Một số nội dung chủ yếu của công tác phương pháp chế độ thống kê

#### **PHẦN II. CÔNG TÁC THỐNG KÊ TỔNG HỢP**

- I. Giới thiệu chung về nghiệp vụ công tác thống kê tổng hợp
- II. Một số nội dung chủ yếu của công tác thống kê tổng hợp

### **CHUYÊN ĐỀ 3. CÔNG TÁC THỐNG KÊ NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN**

- I. Giới thiệu chung về nghiệp vụ công tác thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản
- II. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

### **CHUYÊN ĐỀ 4. CÔNG TÁC THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG VÀ VỐN ĐẦU TƯ**

#### **PHẦN I. CÔNG TÁC THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP**

#### **I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP**

#### **II. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP**

#### **PHẦN II. CÔNG TÁC THỐNG KÊ XÂY DỰNG VÀ VỐN ĐẦU TƯ**

- I. Giới thiệu chung về nghiệp vụ công tác thống kê xây dựng, vốn đầu tư và đầu tư nước ngoài
- II. Hệ thống chỉ tiêu thống kê xây dựng và vốn đầu tư
- III. Hệ thống chỉ tiêu thống kê đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư trực tiếp ra nước ngoài

## **CHUYÊN ĐỀ 5. CÔNG TÁC THỐNG KÊ THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ GIÁ**

### **PHẦN I. CÔNG TÁC THỐNG KÊ THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ**

- I. Giới thiệu chung về nghiệp vụ công tác thống kê thương mại và dịch vụ
- II. Hệ thống chỉ tiêu thống kê thương mại và dịch vụ
- III. Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp
- IV. Một số vấn đề tồn tại và hướng hoàn thiện, phát triển.

### **PHẦN II. CÔNG TÁC THỐNG KÊ GIÁ**

- I. Giới thiệu chung về nghiệp vụ công tác thống kê giá
- II. Một số nội dung chủ yếu của công tác thống kê giá

## **CHUYÊN ĐỀ 6. CÔNG TÁC THỐNG KÊ DÂN SỐ VÀ LAO ĐỘNG**

- I. Giới thiệu chung về nghiệp vụ công tác thống kê dân số và lao động
- II. Hệ thống chỉ tiêu thống kê dân số và lao động

## **CHUYÊN ĐỀ 7. CÔNG TÁC THỐNG KÊ XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG**

- I. Giới thiệu chung về nghiệp vụ công tác thống kê xã hội và môi trường
- II. Những nội dung chủ yếu của công tác thống kê xã hội môi trường

## **CHUYÊN ĐỀ 8. CÔNG TÁC THỐNG KÊ TÀI KHOẢN QUỐC GIA**

- i. giới thiệu chung về nghiệp vụ công tác thống kê tài khoản quốc gia
- ii. những nội dung chủ yếu của công tác thống kê tài khoản quốc gia
- iii. một số định hướng công tác thống kê tài khoản quốc gia trong thời gian tới

## LỜI NÓI ĐẦU

*Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 03 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức; Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 03 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức và Quyết định số 03/2008/QĐ-BNV ngày 12 tháng 11 năm 2008 của Bộ Nội vụ về việc ban hành chức danh, mã số và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành thống kê, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch - Đầu tư tổ chức biên soạn bộ tài liệu bồi dưỡng về nghiệp vụ công tác thống kê dùng cho lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thống kê - ngạch thống kê viên (Trình độ Đạo học và Cao đẳng) nhằm tiêu chuẩn hóa nghiệp vụ các ngạch công chức ngành thống kê và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức thống kê. Tài liệu này do các chuyên gia có nhiều năm công tác, giảng dạy và nghiên cứu ở các Vụ thuộc Tổng cục Thống kê biên soạn.*

Tài liệu gồm:

**Chuyên đề 1:** Tổ chức Thống kê Việt Nam

**Chuyên đề 2:** Công tác Phương pháp chế độ thống kê và thống kê tổng hợp

**Chuyên đề 3:** Công tác Thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản

**Chuyên đề 4:** Công tác Thống kê công nghiệp, xây dựng và vốn đầu tư

**Chuyên đề 5:** Công tác Thống kê thương mại, dịch vụ và giá

**Chuyên đề 6:** Công tác Thống kê dân số và lao động

**Chuyên đề 7:** Công tác Thống kê xã hội và môi trường

**Chuyên đề 8:** Công tác Thống kê Tài khoản quốc gia

Xin giới thiệu Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thống kê - ngạch thống kê viên (Trình độ Đạo học và Cao đẳng) và mong nhận được ý kiến đóng góp quý báu của học viên và bạn đọc để Tài liệu này hoàn thiện hơn cho tái bản lần sau.

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ**



## **TỔ CHỨC THỐNG KÊ VIỆT NAM**

Ngay sau khi đất nước giành được độc lập, thấy được vai trò và tầm quan trọng của công tác thống kê, Hồ Chủ tịch đã ký sắc lệnh thành lập Nha Thống kê Việt Nam, đây là tổ chức thống kê đầu tiên của Hệ thống tổ chức Thống kê Việt Nam. Kể từ khi thành lập đến nay, Hệ thống tổ chức Thống kê Việt Nam đã góp phần quan trọng trong việc cung cấp thông tin kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước và các cấp, các ngành.

### **I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ TỔ CHỨC THỐNG KÊ**

#### **1. Hệ thống tổ chức Thống kê nhà nước**

Theo Luật Thống kê năm 2003 quy định: Hệ thống tổ chức Thống kê Nhà nước bao gồm Hệ thống tổ chức Thống kê tập trung và tổ chức Thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

#### **2. Hệ thống tổ chức Thống kê tập trung**

Theo Luật Thống kê năm 2003 quy định: Hệ thống tổ chức Thống kê tập trung được tổ chức theo ngành dọc gồm cơ quan Thống kê Trung ương và cơ quan Thống kê địa phương.

#### **3. Tổ chức Thống kê Việt Nam**

Theo Luật Thống kê năm 2003, ở nước ta ngoài hệ thống tổ chức Thống kê nhà nước còn có: Thống kê xã, phường, thị trấn, Thống kê doanh nghiệp, cơ quan hành chính (trừ Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính Phủ), đơn vị sự nghiệp.

Như vậy, Tổ chức Thống kê Việt Nam có thể hiểu, bao gồm: Hệ thống tổ chức Thống kê nhà nước và Thống kê xã, phường, thị trấn, Thống kê doanh nghiệp, cơ quan hành chính (trừ Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính Phủ), đơn vị sự nghiệp.

### **II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TỔ CHỨC THỐNG KÊ VIỆT NAM**

#### **1. Giai đoạn 1946-1954**

Ngay sau khi nước nhà được độc lập, xuất phát từ yêu cầu của Chính phủ, chính quyền các cấp và quản lý nhà nước trong giai đoạn cách mạng mới, ngày 06 tháng 5 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 61/SL thành lập Nha Thống kê Việt Nam, nằm trong Bộ Quốc dân kinh tế. Sau này ngành Thống kê lấy ngày 06 tháng 5 năm 1946 là ngày thành lập Ngành.

Ngày 18/5/1946, chiếu theo sắc lệnh số 61/SL, Bộ trưởng Bộ Quốc dân kinh tế ra Nghị định số 102/BQDKT quy định nhiệm vụ và tổ chức của Nha Thống kê Việt Nam như sau:

- Nha Thống kê Việt Nam đặt dưới quyền điều khiển của một giám đốc do sắc lệnh cử theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ quốc dân kinh tế.

***Nhiệm vụ của Nha Thống kê Việt Nam là:***

- Suru tầm và thu thập những tài liệu và những con số có liên quan đến vấn đề xã hội, kinh tế hay văn hoá.

- Xây dựng phương sách về thống kê.

- Kiểm soát công việc của những Ty bảo hiểm Việt Nam hay hải ngoại.

Nha Thống kê Việt Nam có thể liên lạc thẳng với các cơ quan thống kê của các bộ, các kỳ và các tỉnh, các công sở khác để suru tầm tài liệu cần thiết.

***Tổ chức của Nha Thống kê Việt Nam có ba phòng:***

- *Phòng nhất:* coi về nhân viên, kế toán, vật liệu, lưu trữ công văn, xuất bản các sách báo;

- *Phòng nhì:* thống kê dân số, văn hóa, chính trị;

- *Phòng ba:* thống kê tài chính.

Ngày 10/8/1948 Bộ trưởng Bộ Quốc dân kinh tế ban hành Chỉ thị số 115/TK-LC giao nhiệm vụ cho Nha Thống kê như sau: thống kê giáo dục; thống kê công chính; thống kê kinh tế; thống kê dân số, cụ thể là thống kê về người (thuộc phạm vi Bộ Nội vụ): kiểm kê về người xếp theo độ tuổi, số sinh, tử; thống kê canh nông thuộc các Nha, Bộ Canh nông: nông chính, thủy lâm, thủy ngư; thống kê thương mại giá cả thuộc phạm vi Nha Thương vụ và Ngoại thương, Nha Thuế quan; thống kê về tiểu công nghệ và công nghệ thuộc Nha Khoáng chất và kỹ nghệ; thống kê dân sinh, Nha Thống kê trực tiếp làm, phản ánh kịp thời việc ổn định đời sống của đồng bào tản cư và đồng bào cư ngụ, sinh sống tại địa phương. Tổ chức thống kê các cấp được bắt đầu hình thành.

- Ở Trung ương có:

+ Phòng Công văn, viên chức và kế toán;

+ Phòng Chuyên môn điều tra thống kê.

Nhiệm vụ của cơ quan Thống kê Trung ương là thu thập tài liệu của các khu sau đó kiểm soát và trình bày gửi lên Bộ. Liên lạc với các Nha để lấy tài liệu (có 5 Nha thuộc Bộ).

- Ở cấp liên khu: có Phòng Thống kê liên khu đặt trong Văn phòng Giám đốc kinh tế liên khu, có nhiệm vụ:

+ Đôn đốc và tập trung các báo cáo kinh tế của các Ty Kinh tế.

+ Làm báo cáo về tình hình kinh tế chung cho Nha Thống kê Việt Nam thuộc ngành Canh nông, công nghệ, thương mại.

+ Soạn thảo các chương trình điều tra và đề nghị các chương trình đó lên Nha Thống kê, thi hành chương trình do Nha Thống kê giao.

+ Liên lạc với các cơ quan cấp khu: canh nông, địa chính, thuế quan, Ủy ban kháng chiến hành chính để lấy tài liệu cần thiết, đơn vị căn bản là huyện.

+ Giám sát và đề xuất các công việc của các Ty Kinh tế tỉnh.

- Ở cấp tỉnh: có cán bộ Thống kê trong Ty Kinh tế tỉnh.

Thống kê cấp tỉnh có nhiệm vụ thực hiện việc thu thập số liệu và báo cáo thống kê theo quy định:

+ Phân phát các mẫu thống kê về giá thị trường cho các đồn công an nhờ Ty Công an làm. Trưởng ty Công an tập trung vào ngày 15 và 30 hàng tháng gửi đến Trưởng ty kinh tế.

+ Mỗi tháng hai kỳ làm báo cáo dựa vào tài liệu của các đồn công an đã thu thập gửi cho Nha Thống kê và Sở Giám đốc Kinh tế liên khu.

Ngày 25/4/1949 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 33/SL sáp nhập Nha Thống kê Việt Nam vào Phủ Chủ tịch.

Ngày 11/7/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 124/SL bãi bỏ Nha Thống kê Việt Nam.

Ngày 09/8/1950, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 38/TTg thành lập Phòng Thống kê trong Văn phòng Thủ tướng phủ.

Phòng Thống kê có nhiệm vụ: thu thập và xếp đặt những tài liệu thống kê của các Bộ và các Ủy ban hành chính kháng chiến địa phương, giúp các Bộ và các Ủy ban hành chính kháng chiến tổ chức và hướng dẫn theo dõi thống kê.

Tóm tắt một số thông tin giai đoạn này:

Từ năm 1946 đến năm 1949, cơ quan Thống kê thuộc Bộ Quốc dân kinh tế với tên gọi là Nha Thống kê; từ năm 1950 đến năm 1955 cơ quan Thống kê nằm trong Phủ Thủ tướng (nay là Văn phòng Chính phủ) với tên gọi là Phòng Thống kê. Hệ thống tổ chức Thống kê trong giai đoạn này đã hình thành và được quản lý theo ngành ngang như sau: ở cấp liên khu có Phòng Thống kê Liên khu đặt trong Văn phòng Giám đốc Kinh tế Liên khu, ở cấp tỉnh có cán bộ Thống kê trong Ty Kinh tế tỉnh. Về nhân sự, năm 1946, Nha Thống kê có 4 người, đến năm 1949 có 10 người và đến năm 1950, khi Phòng Thống kê nằm trong Phủ Thủ tướng, nhân sự còn có 4 người<sup>1</sup>.

---

<sup>1</sup> Theo cuốn Lịch sử Thống kê Việt Nam xuất bản năm 2006.

## **2. Giai đoạn 1955-1975**

Ngày 20/02/1956, Chính phủ ban hành Điều lệ số 695/TTg do Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký, quy định tổ chức Cục Thống kê Trung ương, các cơ quan Thống kê địa phương và các tổ chức Thống kê của Bộ của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Hệ thống tổ chức Thống kê như sau:

- Ở Trung ương có Cục Thống kê Trung ương nằm trong Ủy ban Kế hoạch Nhà nước. Cục Thống kê Trung ương là một cơ quan nhà nước để lãnh đạo thống nhất và tập trung mọi việc thống kê và kế toán trong nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Cục Thống kê Trung ương có 5 phòng:

- (1) Phòng Thống kê Tổng hợp;
- (2) Phòng Thống kê Nông nghiệp;
- (3) Phòng Thống kê Công nghiệp, vận tải;
- (4) Phòng Thống kê Thương nghiệp, tài chính;
- (5) Phòng Thống kê Văn hóa, giáo dục, y tế, lao động.

- Ở địa phương có những tổ chức thống kê sau:

- + Ban Thống kê Liên khu (khu Việt Bắc, khu tự trị Thái Mèo, khu Hồng Quảng);
- + Ban Thống kê tỉnh, thành phố;
- + Thanh tra Thống kê huyện, thị;
- + Phụ trách Thống kê xã;

Các Ban Thống kê Liên khu, tỉnh, thành phố, Thanh tra thống kê huyện, thị là một tổ chức độc lập với Ủy ban hành chính và Ủy ban Kế hoạch khu, tỉnh, huyện và chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Cục Thống kê Trung ương. Ban Thống kê Liên khu lãnh đạo Ban Thống kê tỉnh, thành phố, Ban Thống kê tỉnh, thành phố lãnh đạo Thanh tra Thống kê huyện, thị, Thanh tra Thống kê huyện, thị lãnh đạo phụ trách thống kê xã, Phụ trách thống kê xã là ủy viên Ủy ban hành chính xã. Danh sách Phụ trách thống kê xã do Trưởng Ban Thống kê tỉnh, thành phố duyệt.

- Thống kê Bộ, ngành: Ở mỗi Bộ và mỗi cơ quan, xí nghiệp đều có tổ chức thống kê nằm trong Phòng kế hoạch. Hệ thống tổ chức thống kê này do mỗi Bộ quy định sau khi có sự tham gia ý kiến của Cục Thống kê trung ương. Các tổ chức thống kê ấy phải bảo đảm lãnh đạo mọi công tác thống kê, kế toán của Bộ, các cơ quan xí nghiệp một cách thống nhất tập trung.

Các Bộ, cơ quan xí nghiệp có nhiệm vụ gửi đến Cục Thống kê trung ương những báo cáo về thống kê và kế toán theo đúng mẫu thời hạn đã quy định, những tài liệu khác

về công tác kiểm kê và thống kê đã sưu tầm trong từng giai đoạn, những báo cáo về kinh tế, những bản chỉ thị, những bản thuế biểu, những bản giá cả, những tập san... Mỗi tài liệu phải cung cấp bao nhiêu bản là do sự yêu cầu của Cục Thống kê trung ương. Các bản báo cáo thống kê đều do ông Bộ trưởng các Bộ, thủ trưởng các cơ quan, ông Giám đốc các xí nghiệp ký và chịu trách nhiệm về sự chính xác của các tài liệu. Để hiểu rõ các bản báo cáo, Cục Thống kê trung ương yêu cầu cán bộ các Bộ mang theo ý kiến của ông Bộ trưởng đến trình bày các chi tiết về các báo cáo và cung cấp thêm tài liệu.

Cục Thống kê trung ương có quyền bác bỏ các báo cáo không chính xác, không hợp lệ và yêu cầu báo cáo lại.

Ngày 08/04/1957, Chính phủ ban hành Nghị định số 142/TTg quy định lại tổ chức, nhiệm vụ của các cơ quan thống kê các cấp, các ngành do Phó Thủ tướng Phan Kế Toại ký.

Theo Nghị định này, Bộ máy thống kê các cấp, các ngành gồm có:

- + Cục Thống kê trung ương (trong Ủy ban kế hoạch Nhà nước).
- + Các Chi Cục Thống kê liên khu, khu, thành phố, tỉnh.
- + Phòng Thống kê huyện, châu.
- + Ban Thống kê xã.
- + Các tổ chức thống kê các Bộ, các ngành trung ương, và các cơ quan, xí nghiệp trực thuộc.

Cục Thống kê Trung ương có 6 phòng:

- (1) Phòng Tổng hợp thống kê;
- (2) Phòng Thống kê Nông nghiệp;
- (3) Phòng Thống kê Công nghiệp;
- (4) Phòng Thống kê Xây dựng cơ bản;
- (5) Phòng Thống kê Thương nghiệp, tài chính;
- (6) Phòng Thống kê Văn hóa, giáo dục, y tế, dân số, lao động.

Cơ quan thống kê ở các địa phương là một cơ quan chuyên môn của Ủy ban Hành chính địa phương chịu sự lãnh đạo chung và trực tiếp của Ủy ban hành chính, đồng thời chịu sự lãnh đạo của cơ quan thống kê cấp trên về mặt nghiệp vụ.

Theo Nghị định số 142/TTg, các tổ chức thống kê ở các khu, tỉnh, thành phố được gọi tên là Chi cục Thống kê. Năm 1957 có các Chi cục Thống kê Việt Bắc, Chi cục Thống kê Thái Mèo, Chi cục Thống kê Hồng Quảng và 33 Chi cục Thống kê tỉnh, thành phố.

Ở cấp huyện thành lập các Phòng Thống kê huyện, thị

Ở cấp xã, thành lập các Ban Thống kê xã.

Đối với Tổ chức Thống kê Bộ, ngành, Nghị định quy định: Để tiện cho việc tổ chức, lãnh đạo một cách tập trung và thống nhất đối với công tác thống kê về các mặt của ngành mình, nhằm phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu của công tác kế hoạch và công tác lãnh đạo, các Bộ, các ngành trung ương, cơ quan nghiệp vụ thuộc Bộ và các xí nghiệp đều phải thành lập bộ máy thống kê thích đáng. Hệ thống thống kê này do các Bộ, các ngành quy định sau khi có sự tham gia ý kiến của Cục Thống kê trung ương. Các tổ chức thống kê ấy phải đảm bảo giúp Bộ lãnh đạo mọi công tác thống kê của ngành mình một cách thống nhất và tập trung.

Ngày 29/9/1961, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 131/CP quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê, đây là một mốc quan trọng trong sự phát triển tổ chức của ngành Thống kê Việt Nam. Tổng cục Thống kê là cơ quan thuộc Chính phủ, cơ cấu tổ chức gồm có:

- (1) Vụ Thống kê Tổng hợp;
- (2) Vụ Thống kê Công nghiệp;
- (3) Vụ Thống kê Nông nghiệp;
- (4) Vụ Thống kê Thương nghiệp và tài chính;
- (5) Vụ Thống kê Xây dựng cơ bản ;
- (6) Vụ Thống kê Cung cấp vật tư kỹ thuật;
- (7) Vụ Thống kê Lao động và văn xã;
- (8) Văn phòng Tổng cục Thống kê;
- (9) Các đơn vị sự nghiệp do Tổng cục quản lý.

Vụ Thống kê nghiệp vụ có các Phòng Thống kê nghiệp vụ.

Việc thành lập, sửa đổi hoặc bãi bỏ Văn phòng, các Vụ, các đơn vị tương đương do Hội đồng Chính phủ phê chuẩn.

Nhiệm vụ của Văn phòng, các Vụ và các đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng cục quản lý sẽ quy định trong điều lệ tổ chức của Tổng cục Thống kê do Hội đồng Chính phủ phê chuẩn.

Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các Chi cục Thống kê tỉnh, thành phố. Trong giai đoạn 1961-1965, bên cạnh việc xây dựng, hoàn thiện bộ máy, Tổng cục Thống kê đã tập trung nhiều công sức xây dựng bộ máy thống kê ở địa phương, nhất là thống kê huyện, xã. Cuối năm 1965, toàn miền Bắc có 26 Chi cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và hàng trăm Phòng Thống kê huyện, thị. Đặc biệt, trong giai

đoạn này còn có Phòng Thống kê đặc khu Vĩnh Linh là khu vực giáp giới tuyến quân sự tạm thời phân chia hai miền Nam, Bắc.

Cuối năm 1965, cơ cấu bộ máy của Tổng cục Thống kê được Hội đồng Chính phủ phê duyệt có thêm Vụ Tổ chức giáo dục trên cơ sở hợp nhất Phòng Tổ chức cán bộ và Phòng Tuyên huấn thuộc Văn phòng.

Ngày 05 tháng 4 năm 1974, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 72-CP ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Tổng cục Thống kê.

Tổng cục Thống kê là cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ.

Tổng cục Thống kê quản lý tập trung thống nhất hệ thống tổ chức Thống kê Nhà nước, bao gồm: Tổng cục Thống kê, Chi cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các Phòng Thống kê huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, khu phố của thành phố trực thuộc Trung ương. Chi cục Thống kê tỉnh, Phòng Thống kê huyện phục vụ yêu cầu của Trung ương và phục vụ yêu cầu của địa phương, thông qua chương trình công tác hàng năm do Tổng cục Thống kê thống nhất quy định.

Tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê gồm:

- (1) Vụ Thống kê Nông nghiệp - Lâm nghiệp;
- (2) Vụ Thống kê Công nghiệp;
- (3) Vụ Thống kê Xây dựng cơ bản;
- (4) Vụ Thống kê Giao thông vận tải - Bưu điện và Viễn thông;
- (5) Vụ Thống kê Cung cấp vật tư kỹ thuật;
- (6) Vụ Thống kê Thương nghiệp;
- (8) Vụ Thống kê Lao động - Tiền lương;
- (9) Vụ Thống kê Dân số;
- (10) Vụ Thống kê Tài chính - Ngân hàng - Giá cả;
- (11) Vụ Thống kê Đời sống - Văn hoá - Xã hội;
- (12) Vụ Thống kê Tổng hợp và Thông tin kinh tế;
- (13) Vụ Thống kê Cân đối kinh tế quốc dân;
- (14) Vụ Hạch toán thống nhất và phương pháp chế độ thống kê;
- (15) Vụ Tổ chức - cán bộ;
- (16) Viện Thông tin kinh tế và Nghiên cứu khoa học thống kê;
- (17) Cục Kỹ thuật tính toán;

(18) Văn phòng Tổng cục Thống kê.

Các trường trực thuộc:

(1) Trường Cán bộ thống kê Trung ương;

(2) Trường Đào tạo công nhân kỹ thuật máy tính và một số đơn vị sản xuất như các trung tâm tính toán, phòng và trạm máy tính, xưởng sửa chữa máy tính v.v....

Tổng cục Thống kê có Hội đồng khoa học có tính chất tư vấn, để nghiên cứu những vấn đề quan trọng về phương pháp trong công tác hạch toán kế toán và thống kê.

Sau ngày 30/4/1975, theo yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới, ngành Thống kê đã nhanh chóng tăng cường bộ máy tổ chức và cán bộ để xây dựng bộ máy tổ chức thống kê cho các tỉnh, thành phố phía Nam sau khi nước nhà thống nhất.

Tóm tắt một số thông tin giai đoạn này:

Từ năm 1955 đến năm 1960, cơ quan Thống kê thuộc Ủy ban Kế hoạch nhà nước (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) với tên gọi là Cục Thống kê trung ương, hệ thống tổ chức thống kê được tổ chức quản lý theo ngành dọc, ở Trung ương là Cục Thống kê trung ương, ở liên khu có Ban Thống kê Liên khu, ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Ban Thống kê tỉnh, thành phố, ở huyện, thị xã có Thanh tra Thống kê huyện, thị xã, ở xã có Phụ trách Thống kê xã. Từ năm 1961 đến năm 1975, cơ quan Thống kê thuộc Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) với tên gọi là Tổng cục Thống kê, Tổng cục Thống kê quản lý tập trung thống nhất theo ngành dọc ở Trung ương là Cơ quan Tổng cục Thống kê, ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là Chi cục Thống kê cấp tỉnh, ở huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh là Phòng Thống kê cấp huyện. Về nhân sự, năm 1957, Cục Thống kê trung ương có trên 100 người, ở địa phương có trên 400 người bao gồm các Chi cục Thống kê cấp tỉnh và Phòng Thống kê cấp huyện<sup>2</sup>. Sau 30/4/1975, khi nước nhà thống nhất, Tổng cục Thống kê thực hiện theo Nghị định số 72-CP quản lý thống nhất trong cả nước, ngành Thống kê đã tiếp nhận 151 viên chức của Tổ chức Thống kê miền Nam (chính quyền Sài Gòn cũ) trong đó có 120 viên chức làm ở Viện Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Phát triển quốc gia và 31 viên chức làm trong Tòa thị chính (số cán bộ này gọi là số cán bộ lưu dụng)<sup>3</sup>.

### **3. Giai đoạn 1976-1986**

Theo Điều lệ, từ giữa năm 1974, Tổng cục Thống kê quản lý toàn diện về các mặt: tổ chức, biên chế, cán bộ, tiền lương, chuyên môn nghiệp vụ và cơ sở vật chất, kỹ thuật theo hệ thống hành chính Nhà nước từ Trung ương đến cấp huyện. Khi nước nhà thống nhất, Nghị định số 72/CP có hiệu lực thực thi trong phạm vi cả nước.

---

<sup>2</sup> Theo cuốn Lịch sử Thống kê Việt Nam xuất bản năm 2006

<sup>3</sup> Theo tài liệu của Vụ Tổ chức cán bộ

Các Chi cục Thống kê miền Nam lần lượt được thành lập, nâng số Chi cục trực thuộc Tổng cục Thống kê từ 18 đơn vị (Các Chi cục Thống kê miền Bắc) lên 38 Chi cục Thống kê trên toàn quốc.

Trong giai đoạn này, Tổng cục Thống kê thành lập 3 đơn vị mới trực thuộc Tổng cục ở vùng mới giải phóng: Văn phòng II đặt tại thành phố Hồ Chí Minh, Trường Trung học Thống kê II đặt tại Biên Hòa, Đồng Nai, Trường Trung học Thống kê III đặt tại thành phố Đà Nẵng.

Cuối năm 1978, Quốc hội ra Nghị quyết tách tỉnh Cao Lạng để tái thành lập 2 tỉnh Lạng Sơn và Cao Bằng. Cuối năm 1979, Quốc hội ra Nghị quyết thành lập đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo (tách từ tỉnh Đồng Nai). Theo đó, Tổng cục Thống kê ra Quyết định giải thể Chi cục Thống kê tỉnh Cao Lạng và thành lập 3 đơn vị mới là: Chi cục Thống kê tỉnh Cao Bằng, Chi cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thống kê Vũng Tàu – Côn Đảo, đưa tổng số Chi cục Thống kê lên 40 đơn vị thời kỳ từ năm 1979 đến năm 1986. Ngày 08/3/1984, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ra Quyết định số 80/QĐ-TCTK đổi tên Chi cục Thống kê tỉnh, thành phố trong cả nước thành Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tên Cục Thống kê tỉnh, thành phố có từ năm 1984.

Tại cơ quan Tổng cục, từ yêu cầu thực tế một số Vụ và đơn vị trực thuộc đã được Chính phủ chấp nhận cho sắp xếp lại như sau:

- Thành lập Vụ Thống kê Xây dựng – Giao thông vận tải trên cơ sở sáp nhập Vụ Xây dựng cơ bản với Vụ Giao thông vận tải – Bưu điện và Viễn thông.

- Thành lập Vụ Thống kê Dân số - Lao động - Tiền lương, trên cơ sở sáp nhập Vụ Dân số với Vụ Lao động - Tiền lương.

- Thành lập Vụ Thống kê Cân đối - Tài chính - Ngân hàng trên cơ sở sáp nhập Vụ Cân đối kinh tế quốc dân với Vụ Tài chính - Ngân hàng.

- Thành lập Vụ Thống kê Thương nghiệp - Đời sống - Văn xã trên cơ sở sáp nhập Vụ Thương nghiệp với Vụ Đời sống - Văn hóa - Xã hội.

- Thành lập Tổ C-K trực thuộc lãnh đạo Tổng cục với nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo Tổng cục về hợp tác thống kê và quản lý cán bộ, chuyên gia Thống kê tại 2 nước bạn Lào và Cam-pu-chia.

- Thành lập Phòng Thống kê nước ngoài (tách từ Viện Thông tin kinh tế và nghiên cứu khoa học thống kê).

Ngày 02 tháng 6 năm 1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 207-CP về việc sửa đổi tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê.

Theo Quyết định này tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê như sau:

*Các Vụ, Viện và đơn vị Trung ương:*

- (1) Vụ Thống kê Công nghiệp;
- (2) Vụ Thống kê Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Thủy lợi;
- (3) Vụ Thống kê Thương nghiệp - Đời sống - Văn xã;
- (4) Vụ Thống kê Xây dựng - Giao thông vận tải;
- (5) Vụ Thống kê Vật tư - Tài sản cố định;
- (6) Vụ Thống kê Dân số - Lao động - Tiền lương;
- (7) Vụ Thống kê Cân đối - Tài chính - Ngân hàng;
- (8) Vụ Phương pháp chế độ thống kê và hạch toán;
- (9) Vụ Thống kê Tổng hợp và Thông tin kinh tế;
- (10) Vụ Kỹ thuật tính toán;
- (11) Vụ Kế hoạch và tài vụ;
- (12) Vụ Tổ chức cán bộ và đào tạo;
- (13) Viện Nghiên cứu khoa học thống kê và Thông tin kinh tế;
- (14) Văn phòng;
- (15) Ban Thanh tra.

*Các tổ chức trực thuộc khác:*

- (1) Phòng Thống kê nước ngoài;
- (2) Tạp chí Thống kê;
- (3) Nhà xuất bản Thống kê;
- (4) Nhà In Tiền phong;
- (5) Quốc doanh phát hành Biểu mẫu Thống kê;
- (6) Trường Cán bộ Thống kê Trung ương;
- (7) Trường Trung học Thống kê II;
- (8) Trường Trung học Thống kê III;
- (9) Trường Kỹ thuật tính toán;
- (10) Xí nghiệp Tính toán thống kê Trung ương;
- (11) Công ty Vật tư, bảo hành, sản xuất máy tính.

Trong thời kỳ này, số cơ quan Thống kê cấp tỉnh và huyện tăng gấp 2 lần; các đơn vị tại cơ quan Tổng cục có tổ chức Phòng; số trường đào tạo trực thuộc tăng từ 2 lên 4 trường; tổ chức mới thuộc thẩm quyền thành lập của Tổng cục trưởng được thành lập như

nhà Xuất bản Thống kê, các đơn vị máy tính và in, phát hành biểu mẫu thống kê thuộc Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tóm tắt một số thông tin giai đoạn này:

Từ năm 1976 đến năm 1986, cơ quan Thống kê thuộc Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) với tên gọi là Tổng cục Thống kê, Tổng cục Thống kê quản lý tập trung thống nhất theo ngành dọc ở Trung ương là Cơ quan Tổng cục Thống kê, ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là Chi cục Thống kê cấp tỉnh, ở huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh là Phòng Thống kê cấp huyện. Về nhân sự, đến cuối năm 1978, toàn ngành Thống kê có 4197 người trong đó cơ quan Tổng cục Thống kê là 1199 người và Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là 2998 người. Đến cuối năm 1986, toàn ngành Thống kê có 6213 người trong đó cơ quan Tổng cục Thống kê là 1223 người và Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là 4990 người<sup>4</sup>.

#### **4. Giai đoạn 1987 - 1993.**

Ngày 11/5/1988, Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 81/HĐBT quy định lại chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của ngành Thống kê các cấp. Theo Quyết định này, bộ máy Thống kê ở địa phương chuyển giao từ Tổng cục Thống kê quản lý sang Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý. Đây là sự thay đổi rất quan trọng của hệ thống tổ chức ngành Thống kê, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của ngành. Tổng cục Thống kê không còn chức năng quản lý ngành dọc. Ở cấp Trung ương, Tổng cục Thống kê là cơ quan trực thuộc Chính phủ với chức năng, nhiệm vụ là cơ quan tham mưu của Đảng và Nhà nước về thông tin kinh tế - xã hội, phục vụ yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước.

Theo Quyết định số 81/HĐBT, số đơn vị trực thuộc Tổng cục từ 26 đơn vị, nay giảm chỉ còn 10 đơn vị, bao gồm:

- (1) Vụ Thống kê Nông - Lâm Nghiệp - Ngư nghiệp;
- (2) Vụ Thống kê Công nghiệp;
- (3) Vụ Thống kê Xây dựng cơ bản - Giao thông vận tải - Bru điện;
- (4) Vụ Thống kê Thương nghiệp - Vật tư - Giá cả;
- (5) Vụ Thống kê Dân số - Lao động - Văn xã;
- (6) Vụ Thống kê Cân đối - Tài chính - Ngân hàng;
- (7) Vụ Thống kê Tổng hợp;
- (8) Vụ Tổ chức - Cán bộ - Đào tạo;
- (9) Văn phòng;

---

<sup>4</sup> Theo tài liệu lưu trữ của Vụ Tổ chức cán bộ

(10) Viện Nghiên cứu khoa học thống kê.

Các Vụ không có tổ chức Phòng.

- Giải thể Vụ Phương pháp chế độ để thành lập Phòng Phương pháp chế độ trực thuộc Tổng cục Thống kê.

- Giải thể Vụ Kế hoạch - Tài vụ, chuyển giao nhiệm vụ công tác kế hoạch tài vụ cấp I từ Vụ Kế hoạch – Tài vụ sang Văn phòng Tổng cục.

- Giải thể Ban Thanh tra, chuyển giao nhiệm vụ của Ban Thanh tra về Vụ Tổ chức cán bộ.

- Giải thể Ban Thống kê nước ngoài và Hợp tác quốc tế để thành lập Phòng Thống kê nước ngoài và Hợp tác quốc tế trực thuộc Tổng cục.

- Giải thể Vụ Thống kê Thương nghiệp - Đời sống - Văn xã và Vụ Thống kê Vật tư - Tài sản cố định để thành lập Vụ Thống kê Thương nghiệp - Vật tư - Giá cả.

- Giải thể Vụ Thống kê Dân số - Lao động - Tiền lương để thành lập Vụ Thống kê Dân số - Lao động - Văn xã.

- Chuyển Phòng Thư ký trong Văn phòng thành Phòng trực thuộc Tổng cục Thống kê.

- Chuyển nhiệm vụ thống kê giá thuộc Vụ Thống kê Cân đối tài chính - Ngân hàng sang Vụ Thống kê Thương nghiệp – Vật tư – Giá cả.

- Chuyển nhiệm vụ thống kê tài sản cố định thuộc Vụ Thống kê Vật tư – Tài sản cố định sang Vụ Thống kê Cân đối - Tài chính - Ngân hàng.

- Chuyển nhiệm vụ thống kê đời sống, văn hóa, xã hội thuộc Vụ Thống kê Thương nghiệp – Đời sống sang Vụ Thống kê Dân số - Lao động – Văn xã.

- Sáp nhập Tạp chí Thống kê (đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục) vào Nhà Xuất bản Thống kê (1987), sau đó lại tách khỏi Nhà Xuất bản chuyển về Văn phòng vào năm 1990.

- Giải thể cấp Phòng trong các Vụ thuộc cơ quan Tổng cục. Lãnh đạo các Vụ trực tiếp quản lý và chỉ đạo nghiệp vụ đến các chuyên viên thuộc quyền.

- Giải thể Trường Trung học Thống kê III (Đà Nẵng), Trường Kỹ thuật tính toán Hà Nội và Nhà máy in Tiền Phong.

Tổng cục đã sắp xếp lại 2 đơn vị sự nghiệp là: Trung tâm Tính toán Thống kê Trung ương, Viện Khoa học Thống kê và 2 đơn vị sản xuất kinh doanh là: Nhà Xuất bản Thống kê và Công ty Phát hành Biểu mẫu Thống kê, đồng thời xây dựng chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong cơ quan Tổng cục theo mô hình tổ chức mới.

Ở cấp tỉnh, các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân hoặc sáp nhập vào Ủy ban Kế hoạch tỉnh.

Ở cấp huyện, Phòng Thống kê sáp nhập vào Phòng Kế hoạch hoặc Phòng Tài chính và không thống nhất một mô hình tổ chức.

Tóm tắt một số thông tin giai đoạn này:

Từ năm 1987 đến năm 1993, cơ quan Thống kê thuộc Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) với tên gọi là Tổng cục Thống kê, Tổng cục Thống kê không quản lý theo ngành dọc, bộ máy Thống kê ở địa phương chuyển giao từ Tổng cục Thống kê sang Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý. Về nhân sự, năm 1988, Tổng cục Thống kê đã chuyển giao cho 40 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 5735 người, cơ quan Tổng cục Thống kê còn lại 993 người <sup>(5)</sup>.

## **5. Giai đoạn 1994 - 2006.**

Qua hơn 6 năm quản lý theo ngành ngang đã bộc lộ nhiều nhược điểm cho thấy sự cần thiết phải đảm bảo việc chỉ đạo thống nhất về nghiệp vụ thống kê từ Trung ương đến địa phương, đảm bảo tính độc lập về nghiệp vụ và tính khách quan của số liệu. Ngày 23/3/1994 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 23/CP quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê.

Theo Nghị định này ngành Thống kê được trở lại quản lý theo ngành dọc, cơ cấu tổ chức gồm:

\* Các đơn vị giúp Tổng cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước:

- (1) Vụ Tổng hợp và Thông tin;
- (2) Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia;
- (3) Vụ Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản;
- (4) Vụ Công nghiệp;
- (5) Vụ Xây dựng, Giao thông và Bưu điện;
- (6) Vụ Thương mại và Giá cả;
- (7) Vụ Dân số và Lao động;
- (8) Vụ Xã hội và Môi trường;
- (9) Vụ Phương pháp chế độ thống kê;
- (10) Vụ Tổ chức, Cán bộ, Đào tạo;
- (11) Thanh tra;
- (12) Văn phòng.

\* Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục:

- (1) Viện Nghiên cứu Khoa học Thống kê;
- (2) Trung tâm Tính toán Thống kê;
- (3) Trường Cán bộ Thống kê Trung ương I;
- (4) Trường Trung học Thống kê II.

Ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Cục Thống kê.

Ở cấp huyện, thị xã có Phòng Thống kê. Phòng Thống kê quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh là đơn vị thuộc Cục Thống kê.

Trên cơ sở Nghị định số 23/CP của Chính phủ, Tổng cục tiến hành sắp xếp lại tổ chức và xây dựng chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục và các Cục Thống kê.

Ngày 18/4/1994 Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban hành Quyết định số 39/QĐ-TCTK quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và mối quan hệ giữa Cục Thống kê với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

Ngày 03/9/2003 để phù hợp Luật Thống kê được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 101/2003/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê.

Theo Nghị định này, hệ thống tổ chức của Tổng cục Thống kê gồm:

*1. Ở Trung ương có cơ quan Tổng cục Thống kê, cơ cấu tổ chức, gồm có:*

\* Các tổ chức giúp Tổng cục trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước:

- (1) Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia;
- (2) Vụ Phương pháp chế độ thống kê;
- (3) Vụ Thống kê Tổng hợp;
- (4) Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng;
- (5) Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản;
- (6) Vụ Thống kê Thương mại, Dịch vụ và Giá cả;
- (7) Vụ Thống kê Dân số và Lao động;
- (8) Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường;
- (9) Vụ Hợp tác Quốc tế;
- (10) Vụ Tổ chức cán bộ;